

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **409** /2022/KDTM - ST.

Ngày : 09 – 06 – 2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hương.
2. Ông Trần Trọng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 697/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST - KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST - KDTM ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T.

Trụ sở: Số 1/8C đường V , Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thọ H, sinh năm 1954 – chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 281/19/11 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 30/7/2020).

(Ông S có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Công ty V

Trụ sở: Tầng 1, số 38 đường D, Phường E, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Duy H, sinh năm 1986.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy A, sinh năm 1988.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/11/2020).

(Ông A vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Công ty Cổ phần T có ông Võ Minh S là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần T và Công ty V có ký Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thang máy số 1001- 01/HĐKT – TTPCons ngày 10/10/2018 và Phụ lục hợp đồng 05 về việc “Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy cho công trình Nhà B, phường C, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng” với nội dung:

- Về nội dung công việc: Công ty V (bên A) và Công ty Cổ phần T (bên B) đồng ý nhận thực hiện: “Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy cho công trình Nhà B, phường C, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh” đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam, tiêu chí kỹ thuật đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng, bao gồm các điều khoản từ điểm a đến điểm h mục 1.1 Điều 1 của hợp đồng.

- Thời gian thực hiện và hoàn thành: Tổng thời gian thi công là 120 ngày được tính từ ngày bên B nhận bàn giao mặt bằng (chi tiết sẽ phối hợp với ban chỉ huy công trường) kể cả thứ bảy, chủ nhật và không bao gồm ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Giá trị hợp đồng là: 3.129.999.400 (Ba tỷ một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm) đồng. Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT 10%, chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm.

- Phương thức thanh toán và thanh lý hợp đồng:

+ Đợt 1 tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng cho bên B là 30% giá trị Hợp đồng sau khi hợp đồng được ký kết và bên A nhận được đầy đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ từ bên B.

+ Đợt 2: Sau khi bên B tập kết vật tư thiết bị về công trình, hai bên sẽ nghiệm thu giá trị thiết bị đạt yêu cầu, bên A thanh toán cho bên B 50% giá trị hợp

đồng (không cần trừ tạm ứng);

+ Đợt cuối (quyết toán): Bên A thanh toán cho bên B 20% giá trị của Hợp đồng sau khi bên B hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng được bên A nghiệm thu, bàn giao, đưa vào sử dụng. Giá trị 5% còn lại của Hợp đồng sẽ được bên A thanh toán khi kết thúc thời gian bảo hành theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần T đã thực hiện theo đúng hợp đồng, hoàn thành công việc được giao nên ngày 31/10/2019 hai bên đã tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 3110 – 01/19/BBTL – TTPcons thể hiện:

Điều 1: Nội dung thanh lý hợp đồng:

Về khối lượng: Bên B đã hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký kết theo hợp đồng, được xác nhận bằng biên bản nghiệm thu khối lượng được đại diện hai bên ký kết.

Về chất lượng: Bên B đã hoàn thành công trình theo đúng yêu cầu kỹ thuật và đạt chất lượng.

Về thời gian: Bên B hoàn thành đúng thời gian theo yêu cầu của bên A.

Điều 2: Thanh quyết toán hợp đồng:

- Giá trị của hợp đồng : 3.129.999.400 đồng;
- Giá trị bên A đã thanh toán cho bên B : 2.503.999.520 đồng;
- Giá trị bên A còn phải thanh toán cho bên B : 625.999.880 đồng.

Điều 3: Điều khoản cuối cùng: Hợp đồng chấm dứt hiệu lực và tự động thanh lý sau khi bên A thanh toán cho bên B hết số tiền còn lại 625.999.880 đồng.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm đó cho đến nay, mặc dù phía Công ty Cổ phần T đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền còn thiếu nói trên nhưng phía Công ty V không có thiện chí hoàn trả. Do đó, để đảm bảo tình hình hoạt động của doanh nghiệp, Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty V:

- Hoàn trả tiền nợ gốc còn thiếu của Hợp đồng như nội dung biên bản xác nhận công nợ và biên bản thanh lý hợp đồng mà hai bên đã ký kết ngày 31/10/2019 là: 625.999.880 đồng.

- Tiền lãi: phát sinh trên số tiền nợ gốc với lãi suất là 7%/năm. Số tiền cụ thể phía nguyên đơn sẽ tính vào ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Thời hạn thanh toán: một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn Công ty V do ông Nguyễn Duy A là người đại diện theo ủy quyền

không có mặt trong các buổi làm việc, hòa giải ... nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

+ Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 09/6/2022 là 625.999.880 đồng. Riêng số tiền lãi, để tạo điều kiện cho phía bị đơn thanh toán thì nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi.

+ Thời hạn thanh toán: 01 lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại (*Hợp đồng thi công*) giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều

30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty V vẫn vắng mặt. Vì vậy, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ lại tính đến ngày 09/6/2022 là 625.999.880 (bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm tám mươi) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là khoản tiền phát sinh từ Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thang máy số 1001- 01/HĐKT – TTPCons ngày 10/10/2018 và Phụ lục hợp đồng 05 ngày 15/8/2018 về việc “Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy cho công trình Nhà B, phường C, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Số tiền này đã được hai bên xác nhận và ký trong Biên bản thanh lý hợp đồng số 3110 – 01/19/BBTL – TTPcons ngày 31/10/2019 nên căn cứ vào Điều 80 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận đó là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T buộc bị đơn Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu là 625.999.880 đồng cho Công ty Cổ phần T.

2.2. Xét, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh.

2.3. Xét, về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nói trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về án phí:*

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 24; 34; 35; 42; 50 và 306 của Luật thương mại;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 11, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T.

- Buộc bị đơn Công ty V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền còn thiếu của Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thang máy số 1001- 01/HĐKT – TTPCons ngày 10/10/2018 và Phụ lục hợp đồng 05 về việc “Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thang máy cho công trình Nhà B, phường C, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tính đến ngày 09/6/2022 là 625.999.880 (bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm tám mươi) đồng.

- Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Công ty V phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 29.039.995 (Hai mươi chín triệu không trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng.

- Hoàn lại cho Công ty Cổ phần T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.903.000 (Mười lăm triệu chín trăm lẻ ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0019256 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Thùy